

## Phần 2. YÊU CẦU VỀ KỸ THUẬT

### Chương V. YÊU CẦU VỀ KỸ THUẬT

#### A. Giới thiệu chung về dự án/dự toán mua sắm, gói thầu:

**Tên gói thầu:** “Dịch vụ hỗ trợ sử dụng phần mềm ứng dụng Quản lý hóa đơn điện tử năm 2025-2027”

**Chủ đầu tư:** Cục Thuế

**Phạm vi triển khai của gói thầu:** Cục Thuế.

**Thời gian thực hiện gói thầu:** 730 ngày

#### B. Mục tiêu công việc:

Nhà thầu cung cấp dịch vụ hỗ trợ sử dụng phần mềm ứng dụng Quản lý hóa đơn điện tử năm 2025-2027 theo yêu cầu chi tiết nêu tại điểm C chương V của E-HSMT.

#### C. Yêu cầu kỹ thuật của gói thầu:

##### C.1. Yêu cầu chung:

STT	Nội dung yêu cầu
1	<b>Thời gian thực hiện</b>
	Thời gian thực hiện: 730 ngày (tương đương 24 tháng)
2	<b>Thời gian cung cấp dịch vụ</b>
	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Trong giờ hành chính: Làm việc từ 8h đến 17h hàng ngày từ thứ 2 đến thứ 6 (trừ ngày lễ, Tết).</li> <li>- Thực hiện 24/7 đối với các yêu cầu liên quan đến hỗ trợ Người sử dụng, các đơn vị kết nối, truyền nhận hóa đơn điện tử với hệ thống của Cục Thuế.</li> <li>- Ngoài giờ hành chính: theo yêu cầu của Cục Thuế.</li> </ul>
3	<b>Yêu cầu về cách thức thực hiện</b>
	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Các nhân sự thực hiện dịch vụ làm việc từ xa, nhà thầu chủ động bố trí nhân sự đảm bảo chất lượng dịch vụ được cung cấp theo yêu cầu của Cục Thuế. Khi có yêu cầu của Cục Thuế, các nhân sự này sẽ tham gia hỗ trợ trực tiếp tại Cục Thuế. Đối với nhân sự tham gia hỗ trợ trực tiếp tại Cục Thuế, Cục Thuế cung cấp các điều kiện làm việc gồm: Địa điểm làm việc, bàn ghế, điện, nước, điều hòa, ánh sáng. Nhà thầu bố trí máy vi tính cho nhân sự làm việc.</li> <li>- Môi trường làm việc, điều kiện làm việc của nhân sự làm từ xa: <ul style="list-style-type: none"> <li>+ Nhà thầu tự trang bị kênh truyền (Leased line/ MPLS VPN Layer3/Internet) để thực hiện kết nối từ địa điểm thực hiện dịch vụ của</li> </ul> </li> </ul>

STT	Nội dung yêu cầu
	nhà thầu đến Trung tâm dữ liệu chính, Trung tâm dữ liệu dự phòng của Cục Thuế phục vụ việc hỗ trợ ứng dụng. + Nhà thầu tự bố trí địa điểm, chỗ làm việc, máy vi tính cho nhân sự của nhà thầu làm việc từ xa.
<b>4</b>	<b>Yêu cầu đảm bảo bảo mật, an toàn thông tin</b>
	Nhà thầu có văn bản cam kết bảo mật, an toàn thông tin với Cục Thuế, bao gồm: Cam kết bảo mật, không sao chép các thông tin do Cục Thuế là chủ sở hữu nếu không được phép. Bảo đảm các điều kiện về an toàn thông tin khi truy cập làm việc từ xa vào mạng nội bộ của Cục Thuế theo các tiêu chuẩn về an toàn, an ninh thông tin. Cam kết bồi thường các tổn thất gây ra cho Cục Thuế nếu vi phạm các điều khoản về bảo mật, an toàn thông tin.
<b>5</b>	<b>Yêu cầu báo cáo</b>
	Nhà thầu thực hiện tổng hợp báo cáo các vấn đề nổi cộm, báo cáo thống kê số lượng yêu cầu tiếp nhận, xử lý hàng ngày, tháng, quý, 6 tháng và báo cáo năm theo yêu cầu của Cục Thuế
<b>6</b>	<b>Yêu cầu khác</b>
	Nhà thầu cung cấp chi phí phát sinh khác như: đào tạo kỹ năng mềm, đồng phục, đào tạo nâng cao năng lực, tập huấn về các quy định làm việc, chi phí công tác khi hỗ trợ địa phương; hệ thống tổng đài điện thoại hỗ trợ; máy tính và các thiết bị khác phục vụ công tác hỗ trợ cho nhân sự khi tham gia hợp đồng.

### C.2. Yêu cầu dịch vụ:

STT	Mã yêu cầu	Nội dung yêu cầu	Phân nhóm	Số lượng	Đơn vị tính
<b>1</b>		<b>Danh sách các ứng dụng thuộc phạm vi cung cấp</b> (áp dụng cho các ứng dụng vẫn đang còn hoạt động tại thời điểm cung cấp dịch vụ)			
		<ul style="list-style-type: none"> <li>- Phần mềm ứng dụng Quản lý Hoá đơn điện tử (HĐĐT).</li> <li>- Phần mềm ứng dụng Quản lý hóa đơn, ấn chỉ thuế (QLAC).</li> <li>- Trang WEB Tra cứu hóa đơn: <a href="https://tracuuhoadon.gdt.gov.vn/">https://tracuuhoadon.gdt.gov.vn/</a></li> <li>- Phần mềm ứng dụng Xác minh hóa đơn (XMHĐ).</li> <li>- Phần mềm ứng dụng Hóa đơn may mắn (HĐMM).</li> <li>- Phần mềm ứng dụng Quản lý Tem điện tử (TEMĐT).</li> </ul>			

STT	Mã yêu cầu	Nội dung yêu cầu	Phân nhóm	Số lượng	Đơn vị tính
- Các yêu cầu liên quan đến hỗ trợ hóa đơn điện tử theo yêu cầu của Cục Thuế.					
2	<b>Các yêu cầu dịch vụ</b>				
2.1	<b>Yêu cầu hướng dẫn sử dụng và kiểm tra thông tin</b>				
2.1.1	R1	<p>Tiếp nhận, kiểm tra, phản hồi kết quả cho NSD/CQT/Đơn vị các yêu cầu hỗ trợ liên quan đến sử dụng ứng dụng và kiểm tra thông tin trên ứng dụng thuộc một trong các trường hợp sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Hướng dẫn thao tác trên chức năng ứng dụng.</li> <li>- Hướng dẫn cài đặt hoặc cấu hình phần mềm ứng dụng.</li> <li>- Hướng dẫn các văn bản, tài liệu, thông báo liên quan đến ứng dụng.</li> <li>- Hướng dẫn thực hiện xử lý dữ liệu tồn của NSD.</li> <li>- Hướng dẫn thiết lập hoặc cấu hình thông số trên ứng dụng theo quy định.</li> <li>- Yêu cầu kiểm tra, rà soát thông tin của NSD trên ứng dụng.</li> <li>- Yêu cầu liên quan đến hướng dẫn cách thức rà soát dữ liệu tồn hoặc chưa xử lý kịp thời của NSD.</li> <li>- Yêu cầu liên quan đến giải đáp thông tin/dữ liệu trên ứng dụng.</li> <li>- Yêu cầu liên quan đến kiểm tra thông tin/dữ liệu trước khi gửi thông báo cho NSD.</li> <li>- Yêu cầu liên quan đến sai lệch dữ liệu trên báo cáo đối soát dữ liệu của hệ thống.</li> </ul> <p>(Yêu cầu được xác định theo từng MST/tài khoản NSD/mã hóa đơn/số hóa đơn/ký hiệu hóa đơn/tiểu mục/kỳ thuế/kỳ quay thưởng/số yêu cầu</p>	Nhóm 1	96.000	Yêu cầu

STT	Mã yêu cầu	Nội dung yêu cầu	Phân nhóm	Số lượng	Đơn vị tính
		xác minh/mã đơn vị sử dụng/loại báo cáo/mã danh mục/mẫu ấn chỉ/số ấn chỉ/ký hiệu ấn chỉ/mã kho ấn chỉ/số phiếu/mã đơn vị sử dụng/mã giao dịch/số chứng từ điện tử và theo từng lần yêu cầu của NSD/CQT/Đơn vị).			
<b>2.2</b>	<b>Yêu cầu xử lý dữ liệu</b>				
2.2.1	R2	<p>Tiếp nhận, kiểm tra, phản hồi kết quả cho NSD/CQT/Đơn vị các yêu cầu liên quan đến việc xử lý dữ liệu thuộc một trong các trường hợp sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Kiểm tra dữ liệu có sai sót do nhập nhầm hoặc phát hiện có sai sót.</li> <li>- Kiểm tra dữ liệu cần điều chỉnh trước hoặc sau khi xử lý dữ liệu.</li> <li>- Kiểm tra dữ liệu cần làm sạch trước khi đưa vào Kho cơ sở dữ liệu.</li> <li>- Kiểm tra dữ liệu sau khi điều chỉnh, xử lý, làm sạch dữ liệu.</li> <li>- Kiểm tra dữ liệu theo yêu cầu rà soát dữ liệu của NSD/CQT/Đơn vị và chuyên đơn vị chịu trách nhiệm thực hiện xử lý.</li> </ul> <p>(Yêu cầu được xác định theo từng MST/tài khoản NSD/mã hóa đơn/số hóa đơn/ký hiệu hóa đơn/tiểu mục/kỳ thuế/kỳ quay thưởng/số yêu cầu xác minh/mã đơn vị sử dụng/loại báo cáo/mã danh mục/mẫu ấn chỉ/số ấn chỉ/ký hiệu ấn chỉ/mã kho ấn chỉ/số phiếu/mã đơn vị sử dụng/mã giao dịch/số chứng từ điện tử và theo từng lần yêu cầu của NSD/CQT/Đơn vị).</p>	Nhóm 1	48.000	Yêu cầu

STT	Mã yêu cầu	Nội dung yêu cầu	Phân nhóm	Số lượng	Đơn vị tính
2.2.2	R3	<p>Tiếp nhận, cập nhật dữ liệu bằng công cụ hoặc câu lệnh có sẵn, kiểm tra dữ liệu sau khi xử lý, phản hồi kết quả cho NSD/CQT/Đơn vị.</p> <p>(Yêu cầu được xác định theo từng lần yêu cầu của NSD/CQT/Đơn vị).</p>	Nhóm 2	480	Yêu cầu
2.3	<b>Yêu cầu kiểm thử/kiểm tra hoạt động của các chức năng ứng dụng sau khi nâng cấp</b>				
2.3.1	R4	<p>Tiếp nhận, kiểm tra, phản hồi yêu cầu của NSD/CQT/Đơn vị các yêu cầu liên quan đến kiểm tra hoạt động của chức năng ứng dụng thuộc một trong các trường hợp sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Thực hiện kiểm tra hoạt động của chức năng ứng dụng trong quá trình khai thác, sử dụng ứng dụng.</li> <li>- Kiểm tra hoạt động của các chức năng trên ứng dụng sau khi triển khai/nâng cấp ứng dụng.</li> <li>- Kiểm tra hoạt động của ứng dụng sau khi khắc phục lỗi hệ thống/CSDL/đường truyền/an toàn thông tin theo từng ứng dụng.</li> <li>- Kiểm thử chấp nhận mức người sử dụng trước khi nâng cấp ứng dụng trên môi trường kiểm thử (UAT).</li> <li>- Kiểm thử ứng dụng sau khi nâng cấp ứng dụng trên môi trường hoạt động (Production).</li> <li>- Kiểm thử ứng dụng sau khi triển khai/nâng cấp/cập nhật hệ thống/CSDL/đường truyền/an toàn thông tin.</li> </ul> <p>(Yêu cầu được xác định theo từng chức năng trên ứng dụng của CQT/Đơn vị đối với các yêu cầu liên quan đến kiểm tra hoạt động của các chức năng trên ứng dụng và được xác định theo từng</p>	Nhóm 2	960	Yêu cầu

STT	Mã yêu cầu	Nội dung yêu cầu	Phân nhóm	Số lượng	Đơn vị tính
		tình huống kiểm thử đối với các yêu cầu liên quan đến kiểm thử).			
<b>2.4</b>	<b>Yêu cầu vướng mắc/đề xuất/lỗi ứng dụng</b>				
2.4.1	R5	<p>Tiếp nhận, kiểm tra hoạt động của ứng dụng, chuyển đơn vị chịu trách nhiệm xử lý, phản hồi kết quả cho NSD các yêu cầu thuộc một trong các trường hợp sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Yêu cầu liên quan đến lỗi hệ thống/CSDL/đường truyền/an toàn thông tin.</li> <li>- Yêu cầu liên quan đến lỗi hệ thống truyền nhận/kết nối/đồng bộ/trao đổi thông tin giữa hệ thống ứng dụng của ngành Thuế và hệ thống ứng dụng của các Đơn vị có kết nối.</li> </ul> <p>(Yêu cầu được xác định theo từng lần yêu cầu của NSD/CQT/Đơn vị).</p>	Nhóm 1	96	Yêu cầu
2.4.2	R6	<p>Tiếp nhận, kiểm tra, phân tích, chuyển đơn vị chịu trách nhiệm xử lý, phản hồi cho NSD/Đơn vị chịu trách nhiệm xử lý các yêu cầu thuộc một trong các trường hợp sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Yêu cầu liên quan đến vướng mắc trong quá trình sử dụng ứng dụng.</li> <li>- Yêu cầu liên quan đến lỗi ứng dụng trong quá trình sử dụng ứng dụng.</li> <li>- Yêu cầu liên quan đến đề xuất nâng cấp ứng dụng trong quá trình sử dụng ứng dụng.</li> <li>- Yêu cầu liên quan đến đề xuất/sửa đổi/bổ sung yêu cầu nghiệp vụ.</li> </ul> <p>(Yêu cầu được xác định theo từng lần yêu cầu của NSD/CQT/Đơn vị).</p>	Nhóm 2	120	Yêu cầu
<b>2.5</b>	<b>Xây dựng công cụ/câu lệnh để khai thác số liệu theo</b>				

STT	Mã yêu cầu	Nội dung yêu cầu	Phân nhóm	Số lượng	Đơn vị tính
<b>yêu cầu của các Ban/Đơn vị/Cơ quan thuế</b>					
2.5.1	R7	<p>Tiếp nhận, phân tích yêu cầu khai thác dữ liệu theo yêu cầu thuộc một trong các trường hợp sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Yêu cầu khai thác dữ liệu theo mẫu biểu yêu cầu của các Ban/Đơn vị/Cơ quan thuế do không khai thác được trên ứng dụng.</li> <li>- Yêu cầu khai thác dữ liệu theo mẫu biểu chưa có trên chức năng ứng dụng.</li> <li>- Yêu cầu khai thác dữ liệu để phục vụ công tác rà soát, báo cáo, phân tích, đánh giá số liệu của các Ban/Đơn vị/Cơ quan thuế.</li> </ul> <p>(Yêu cầu được xác định theo từng mẫu biểu trên từng ứng dụng của các Ban/Đơn vị/Cơ quan thuế).</p>	Nhóm 2	120	Yêu cầu
2.5.2	R8	<p>Xây dựng công cụ hoặc câu lệnh khai thác dữ liệu theo yêu cầu khai thác dữ liệu (mẫu biểu đã được phân tích).</p> <p>(Yêu cầu được xác định theo từng mẫu biểu trên từng ứng dụng của các Ban/Đơn vị/Cơ quan thuế).</p>	Nhóm 2	120	Yêu cầu
2.5.3	R9	<p>Kết xuất, kiểm tra dữ liệu và phân hồi kết quả khai thác dữ liệu theo yêu cầu khai thác số liệu của các Ban/Đơn vị/Cơ quan thuế.</p> <p>(Yêu cầu được xác định theo từng mẫu biểu trên từng ứng dụng của các Ban/Đơn vị/Cơ quan thuế).</p>	Nhóm 2	168	Yêu cầu
2.6	<b>Xây dựng tài liệu hướng dẫn xử lý các tình huống thường gặp trong quá trình hỗ trợ</b>				

STT	Mã yêu cầu	Nội dung yêu cầu	Phân nhóm	Số lượng	Đơn vị tính
2.6.1	R10	Tiếp nhận, xây dựng tài liệu hướng dẫn xử lý các tình huống hỗ trợ thường gặp, phản hồi kết quả và cập nhật thông tin lên ứng dụng quản lý yêu cầu hỗ trợ.  (Yêu cầu được xác định theo từng lần yêu cầu của NSD/CQT/Đơn vị).	Nhóm 2	48	Yêu cầu

**Ghi chú:**

1. Người sử dụng (NSD): bao gồm những người khai thác, sử dụng ứng dụng do Cục Thuế cung cấp.
2. Cơ quan thuế (CQT): bao gồm Cục Thuế và cơ quan thuế các cấp.
3. Đơn vị ngoài ngành:
  - Các đơn vị có kết nối đến hệ thống của Cục Thuế: T-VAN, Ngân hàng thương mại (NHTM).
  - Các đơn vị kết nối trao đổi, truyền nhận thông tin với hệ thống của Cục Thuế: đơn vị Ủy nhiệm thu, Kho bạc Nhà nước, Cục Hải quan...
  - Các đơn vị kết nối, truyền nhận hóa đơn điện tử với hệ thống của Cục Thuế.

**C.3. Yêu cầu về chất lượng**

Trong quá trình thực hiện dịch vụ, nhà thầu đáp ứng các yêu cầu trong khoảng thời gian xử lý như bảng dưới đây (thời gian được tính từ thời điểm tiếp nhận yêu cầu từ người sử dụng ứng dụng đến khi xử lý xong hoặc chuyển cho đầu mối Cục Thuế để xử lý ở mức trên). Thời gian phân tích và xử lý yêu cầu của cán bộ hỗ trợ sẽ không bao gồm: thời gian chờ Người sử dụng, địa phương phản hồi, thời gian chờ phản hồi/phê duyệt của phòng chức năng và các đơn vị nghiệp vụ, các đơn vị ngoài ngành.

Mức độ ưu tiên	Thời gian xử lý tối đa (từ lúc tiếp nhận đến lúc xử lý xong)	Phân Nhóm
1	1 ngày	Nhóm 1
2	2 ngày	Nhóm 2

**C.4. Yêu cầu về nhân sự**

Nhà thầu cam kết cung cấp các nhân sự tham gia đáp ứng yêu cầu sau trong vòng 7 ngày kể từ ngày ký hợp đồng và kèm theo các tài liệu để chứng minh, cụ thể như sau:

- **01 nhân sự đầu mới tiếp nhận yêu cầu và điều phối làm việc trực tiếp tại Cục Thuế với yêu cầu trình độ như sau:**

+ Tốt nghiệp đại học một trong các chuyên ngành theo quy định về bằng cấp tại mục Ghi chú

+ Năm kinh nghiệm: 05 năm (60 tháng).

+ Kinh nghiệm ở vị trí tương tự: 01 năm, kinh nghiệm ở vị trí tương tự hỗ trợ/vận hành/quản trị phần mềm ứng dụng CNTT (*chứng minh bằng 01 hợp đồng/dự án mà nhân sự đã hoàn thành tại vị trí tương tự hỗ trợ/vận hành/quản trị phần mềm ứng dụng CNTT*).

+ Có chứng nhận tham gia khóa đào tạo Oracle PL/SQL (Oracle database 11g PL/SQL Programming trở lên)

- **Trong các nhân sự làm việc từ xa nhà thầu phải có tối thiểu 05 nhân sự đáp ứng yêu cầu trình độ như sau:**

+ Tốt nghiệp đại học một trong các chuyên ngành theo quy định về bằng cấp tại mục Ghi chú.

+ Năm kinh nghiệm: 02 năm (24 tháng).

+ Chứng nhận tham gia khóa đào tạo về cơ sở dữ liệu NoSQL (Datastax hoặc Apache Cassandra hoặc tương đương).

### **Ghi chú:**

#### **(1) Quy định về bằng cấp:**

+ Trên văn bằng tốt nghiệp thể hiện nhân sự có trình độ cử nhân/kỹ sư hoặc tốt nghiệp đại học một trong các ngành/chuyên ngành sau: Công nghệ thông tin; Khoa học máy tính; Tin học; Tin học ứng dụng; Công nghệ phần mềm; Kỹ thuật phần mềm; Máy tính; Trí tuệ nhân tạo; An toàn thông tin; An toàn không gian số; An ninh mạng; Kỹ thuật mạng; Kỹ thuật máy tính; Công nghệ kỹ thuật máy tính; Hệ thống nhúng thông minh và IoT; Điện tử; Viễn thông; Kỹ thuật điện tử viễn thông; Vô tuyến điện và thông tin liên lạc; Điện tử tin học; Công nghệ kỹ thuật điện tử - viễn thông; Công nghệ kỹ thuật điện - điện tử; Kỹ thuật điều khiển và tự động hóa; Công nghệ kỹ thuật điều khiển và tự động hóa; Kỹ thuật cơ điện tử; Robot và hệ thống điều khiển thông minh; Robot và Trí tuệ nhân tạo; Kỹ thuật vi điện tử và Công nghệ nano; Chuyển đổi số; Toán tin; Toán tin ứng dụng; Toán ứng dụng; Khoa học dữ liệu; Khoa học tính toán; Hệ thống thông tin; Hệ thống thông tin quản lý; Quản lý hệ thống thông tin; Sư phạm tin học; Mạng máy tính và truyền thông dữ liệu; Truyền thông và mạng máy tính; Công nghệ truyền thông; Truyền thông đa phương tiện; Xử lý thông tin truyền thông.

+ Trường hợp bằng cấp không thể hiện thông tin theo yêu cầu, nhà thầu cung cấp văn bản xác nhận của cơ sở đào tạo về việc ngành/chuyên ngành nêu tại văn bằng của nhân sự tương đương với một trong các ngành/chuyên ngành được liệt kê trên thì chủ đầu tư xem xét chấp thuận.

(2) **Năm kinh nghiệm:** Là tổng số năm (1 năm = 12 tháng) nhân sự đã làm việc được tính từ ngày tốt nghiệp Đại học đến ngày nhà thầu gửi công văn cử nhân sự tham gia thực hiện hợp đồng.

(3) **Hiệu lực chứng chỉ của nhân sự tham gia gói thầu:** Trường hợp trên chứng chỉ có ghi thời điểm hết hiệu lực thì hiệu lực trên chứng chỉ phải sau thời điểm nhà thầu gửi công văn cử nhân sự tham gia thực hiện hợp đồng. Trường hợp trên chứng chỉ không ghi thời điểm hết hiệu lực thì chứng chỉ đáp ứng yêu cầu.

(4) **Kinh nghiệm ở vị trí tương tự:** Được chứng minh bằng các hợp đồng hoặc các tài liệu tương đương mà nhân sự tham gia đã hoàn thành tại vị trí làm việc tương tự tính đến trước ngày nhà thầu gửi công văn cử nhân sự tham gia thực hiện hợp đồng

## **D. Hiện trạng ứng dụng**

### **D.1. Ứng dụng quản lý hóa đơn điện tử (HĐĐT)**

**a) Tên ứng dụng:** Ứng dụng quản lý hóa đơn điện tử (HĐĐT)

**b) Tên tắt ứng dụng:** HĐĐT

**c) Nội dung ứng dụng:**

Phần mềm ứng dụng quản lý hóa đơn điện tử đáp ứng Nghị định số 123/2020/NĐ-CP, Nghị định số 70/2025/NĐ-CP, Thông tư số 32/2025/TT-BTC và Thông tư số 23/2021/TT-BTC, Thông tư số 31/2025/TT-BTC bao gồm:

- Cổng thông tin điện tử của Cục Thuế về HĐĐT dành cho NNT: hỗ trợ người bán lập tờ khai đăng ký sử dụng hóa đơn điện tử; lập hóa đơn điện tử có mã của cơ quan thuế; lập các thông tin liên quan tới tem điện tử rượu, thuốc lá; hỗ trợ người mua, người bán, các tổ chức liên quan tra cứu thông tin hóa đơn điện tử và các thông báo của cơ quan thuế; cung cấp thông tin, thông báo về hóa đơn điện tử, các tài liệu hướng dẫn sử dụng, thông tin hỗ trợ, trợ giúp của hóa đơn, hỗ trợ lập hóa đơn, tra cứu hóa đơn.

- Phân hệ xử lý dữ liệu hoá đơn điện tử hỗ trợ cơ quan thuế tiếp nhận và xử lý tờ khai đăng ký/thay đổi thông tin sử dụng hóa đơn điện tử, hóa đơn điện tử có mã và không có mã của cơ quan thuế, thông báo hóa đơn điện tử có sai sót, thông tin về tem điện tử rượu và thuốc lá, các báo cáo và thông báo khác.

- Cổng tiếp nhận dữ liệu hóa đơn điện tử từ tổ chức cung cấp dịch vụ hóa đơn điện tử hoặc doanh nghiệp/tổ chức kết nối trực tiếp với cơ quan thuế.

- Phân hệ quản lý thông tin hỗ trợ kiểm soát đăng ký sử dụng HĐĐT, kiểm tra thông tin và quản lý rủi ro hoá đơn điện tử.

- Ứng dụng hóa đơn điện tử trên thiết bị di động hỗ trợ lập hóa đơn điện tử có mã; lập đề nghị hóa đơn phát sinh gửi cơ quan thuế; tra cứu hóa đơn điện tử mua vào/bán ra; tra cứu thông báo của cơ quan thuế về hóa đơn điện tử;...

- Ứng dụng hóa đơn may mắn: lập kỳ quay thưởng; lập danh sách hội đồng quay thưởng; thiết lập các mức giải thưởng; rà soát, chốt dữ liệu hóa đơn điện tử được quay thưởng; tổ chức quay thưởng; in báo cáo kết quả quay thưởng; lập báo cáo các kỳ quay thưởng;...

**d) Phạm vi triển khai:**

Ứng dụng quản lý hóa đơn điện tử được triển khai tập trung tại Cục Thuế, phục vụ nhu cầu khai thác sử dụng của cán bộ Cục Thuế và cơ quan thuế các cấp và toàn bộ NNT trên toàn quốc.

**e) Các chức năng chính của hệ thống HĐĐT được liệt kê trong bảng sau:**

- Ứng dụng hóa đơn điện tử dành cho cán bộ thuế

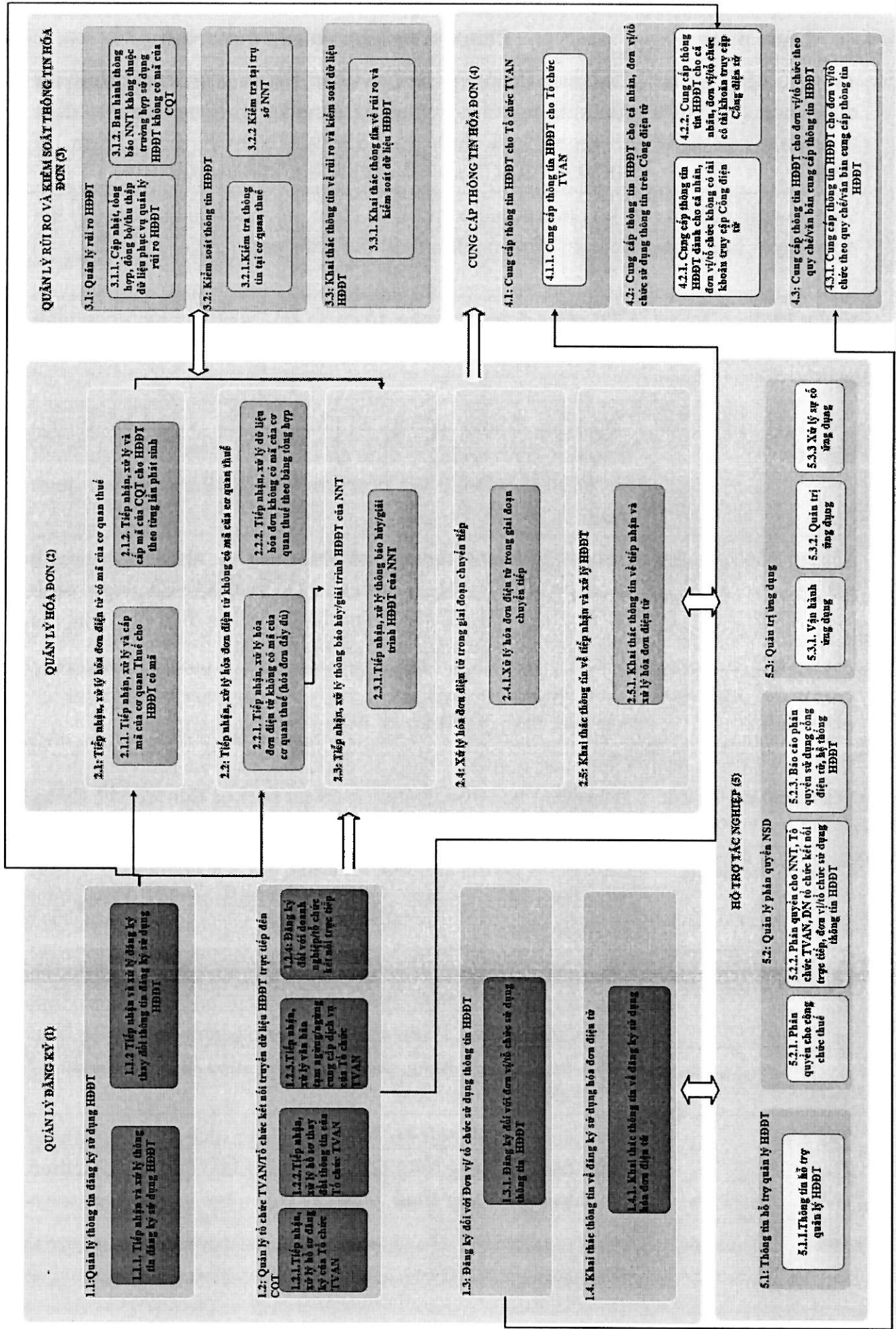
<b>Chức năng</b>	<b>Phạm vi nghiệp vụ của quy trình</b>
Tiếp nhận, xử lý tờ khai đăng ký sử dụng hóa đơn điện tử	Cho phép CBT tiếp nhận và xử lý tờ khai đăng ký sử dụng hóa đơn điện tử của NNT gửi CQT.
Tiếp nhận, xử lý hóa đơn sai sót	Cho phép CBT tiếp nhận và xử lý thông báo hóa đơn điện tử có sai sót của NNT gửi CQT.
Tiếp nhận, xử lý đề nghị phát sinh	Cho phép CBT tiếp nhận và xử lý đơn đề nghị cấp hóa đơn điện tử có mã của CQT theo từng lần phát sinh của NNT gửi CQT.
Tiếp nhận, xử lý hóa đơn phát sinh	Cho phép CBT tiếp nhận và xử lý hóa đơn phát sinh của NNT gửi CQT. Trường hợp CBT chấp nhận, hóa đơn phát sinh sẽ được hệ thống tự động cấp mã cho hóa đơn.
Tiếp nhận, xử lý hóa đơn phát sinh có sai sót	Cho phép CBT tiếp nhận và xử lý thông báo hóa đơn điện tử được cấp theo từng lần phát sinh có sai sót của NNT gửi CQT.
Quản lý danh mục	Cho phép CBT nhập và quản lý: <ul style="list-style-type: none"> <li>- Danh sách doanh nghiệp được phép gửi bảng tổng hợp.</li> <li>- Danh sách doanh nghiệp được phép gửi hóa đơn có mã.</li> <li>- Danh sách hình thức của chữ ký đang có tại CQT.</li> <li>- Danh sách chức danh của chữ ký đang có tại CQT.</li> <li>- Danh sách các tổ chức kết nối trực tiếp và truyền nhận dữ liệu với CQT</li> <li>- Danh sách các tổ chức nhận, truyền và lưu trữ dữ liệu hóa đơn điện tử</li> </ul>
Thông báo tiếp tục/ngừng sử dụng hóa đơn	Cho phép CBT nhập, xử lý thông báo tiếp tục/ngừng sử dụng hóa đơn điện tử.
Doanh nghiệp rủi ro cao về thuế	Cho phép CBT nhập và xử lý danh sách doanh nghiệp rủi ro cao về thuế.
Doanh nghiệp vừa, nhỏ theo quyết định của UBND	Cho phép CBT nhập và xử lý danh sách doanh nghiệp vừa, nhỏ theo quyết định của UBND
Quản lý hệ thống	Cho phép CBT quản lý người dùng hệ thống, gồm tạo/thay đổi thông tin người dùng, tạo vai trò người dùng và phân quyền cho người dùng sử dụng các chức năng của hệ thống.

<b>Chức năng</b>	<b>Phạm vi nghiệp vụ của quy trình</b>
Văn thư ký ban hành	Cho phép CBT thuộc phòng Văn thư ký ban hành các thông báo của CQT gửi tới NNT.
Quản lý văn thư	Cho phép CBT thuộc phòng Văn thư cấu hình tham số ký các thông báo của CQT gửi tới NNT và quản lý sổ văn thư.
Tra cứu	Cho phép CBT tra cứu dữ liệu hóa đơn và bảng tổng hợp, Tra cứu thông báo kiểm tra dữ liệu, tra cứu thông điệp
Báo cáo	Cho phép CBT khai thác dữ liệu thông qua các báo cáo gồm: <ul style="list-style-type: none"> <li>- Báo cáo số lượng tờ khai</li> <li>- Báo cáo số lượng tờ khai tờ khai theo tổ chức truyền nhận</li> <li>- Báo cáo tình hình xử lý tờ khai</li> <li>- Báo cáo chi tiết tình hình xử lý tờ khai</li> <li>- Báo cáo số lượng hóa đơn</li> <li>- Báo cáo số lượng hóa đơn theo tổ chức truyền nhận</li> <li>- Báo cáo số lượng hóa đơn theo tổ chức giải pháp</li> <li>- Báo cáo rủi ro hóa đơn</li> <li>- Báo cáo tình hình sử dụng HĐĐT</li> <li>- Báo cáo tình hình cấp mã HĐĐT</li> <li>- Báo cáo thống kê hóa đơn dịch vụ bán ra theo phương pháp khấu trừ</li> <li>- Báo cáo thống kê lỗi NNT đã gửi theo Mẫu 04/SS – HĐĐT</li> <li>- Báo cáo thống kê NNT gửi sai hình thức sử dụng hóa đơn</li> <li>- Báo cáo thống kê hóa đơn dịch vụ mua vào</li> <li>- Báo cáo thống kê NNT gửi sai lệch giữa các ngày trên hóa đơn</li> <li>- Báo cáo thống kê hóa đơn dịch vụ bán ra theo phương pháp trực tiếp</li> </ul>
Tra cứu dữ liệu tại CQT khác	Cho phép CBT khai thác dữ liệu được quản lý bởi CQT khác CQT hiện tại của CBT.

- Ứng dụng hóa đơn điện tử dành cho người nộp thuế

<b>Chức năng</b>	<b>Phạm vi nghiệp vụ của quy trình</b>
Tra cứu hóa đơn điện tử không cần đăng nhập	Cho phép doanh nghiệp, tổ chức, hộ, cá nhân kinh doanh không được cấp tài khoản trên ứng dụng nhưng có thông tin về hóa đơn cần tra cứu

<b>Chức năng</b>	<b>Phạm vi nghiệp vụ của quy trình</b>
Tra cứu đăng ký sử dụng hóa đơn điện tử không cần đăng nhập	Cho phép doanh nghiệp, tổ chức, hộ, cá nhân kinh doanh tra cứu xem người nộp thuế đã đăng ký sử dụng hóa đơn điện tử theo Nghị định số 123/2020/NĐ-CP, Nghị định số 70/2025/NĐ-CP khi có mã số thuế cần tra cứu
Lập đề nghị cấp hóa đơn theo lần phát sinh	Cho phép doanh nghiệp, tổ chức, hộ, cá nhân kinh doanh lập đề nghị cấp hóa đơn theo lần phát sinh
Quản lý đăng ký sử dụng hóa đơn điện tử	Cho phép doanh nghiệp, tổ chức, hộ, cá nhân kinh doanh lập đăng ký sử dụng hóa đơn điện tử
Quản lý hóa đơn điện tử	Cho phép doanh nghiệp, tổ chức, hộ, cá nhân kinh doanh theo quy định tại Nghị định số 123/2020/NĐ-CP, Nghị định số 70/2025/NĐ-CP lập hóa đơn trên hệ thống của cơ quan thuế
Thông báo hóa đơn sai sót	Cho phép doanh nghiệp, tổ chức, hộ, cá nhân kinh doanh theo quy định tại Nghị định số 123/2020/NĐ-CP, Nghị định số 70/2025/NĐ-CP lập thông báo hóa đơn điện tử có sai sót hóa đơn trên hệ thống của cơ quan thuế
Quản lý hóa đơn phát sinh	Cho phép doanh nghiệp, tổ chức, hộ, cá nhân kinh doanh lập hóa đơn phát sinh trên hệ thống của cơ quan thuế
Thông báo hóa đơn phát sinh có sai sót	Cho phép doanh nghiệp, tổ chức, hộ, cá nhân kinh doanh lập thông báo hóa đơn phát sinh có sai sót hóa đơn trên hệ thống của cơ quan thuế
Quản lý hệ thống	Cho phép doanh nghiệp, tổ chức, hộ, cá nhân kinh doanh thực hiện phân quyền, quản lý tài khoản trên hệ thống của cơ quan thuế
Quản lý danh mục	Cho phép doanh nghiệp, tổ chức, hộ, cá nhân kinh doanh theo quy định tại Nghị định số 123/2020/NĐ-CP, Nghị định số 70/2025/NĐ-CP lập các danh mục (danh mục hàng hóa, danh mục khách hàng, danh mục ký hiệu hóa đơn) trên hệ thống của cơ quan thuế
Tra cứu	Cho phép doanh nghiệp, tổ chức, hộ, cá nhân kinh doanh tra cứu hóa đơn, bảng tổng hợp, các thông báo của cơ quan thuế gửi đến người nộp thuế



Mô tả:

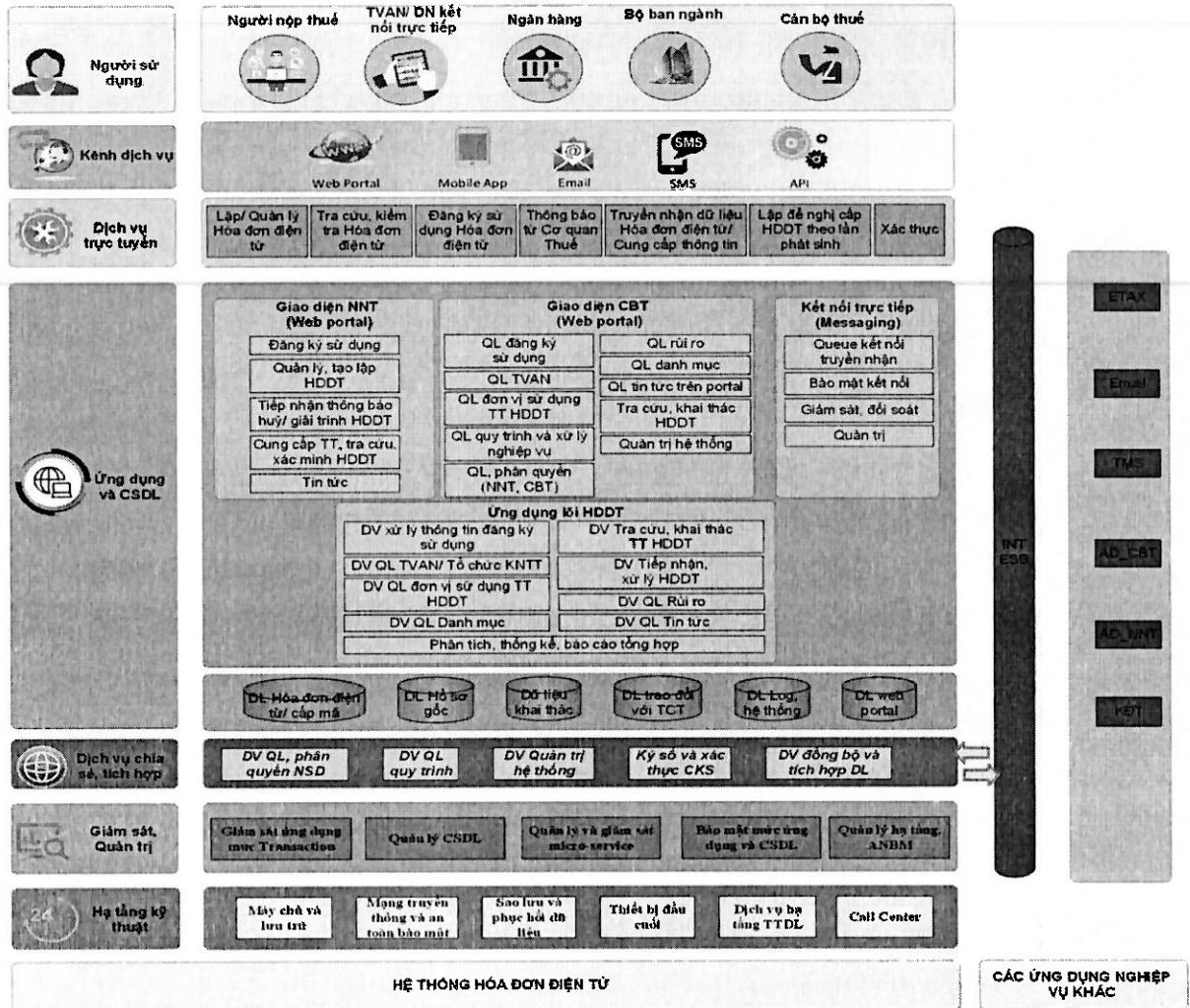
STT	Mã	Quy trình nghiệp vụ Mức 2	Phạm vi nghiệp vụ của quy trình
1.	1.1.1	Tiếp nhận và xử lý thông tin đăng ký sử dụng HĐĐT	Quy trình hướng dẫn việc tiếp nhận, xử lý, phê duyệt, trả kết quả đăng ký sử dụng HĐĐT cho người nộp thuế
2.	1.1.2	Tiếp nhận và xử lý đăng ký thay đổi thông tin đăng ký sử dụng HĐĐT	Quy trình hướng dẫn việc tiếp nhận, xử lý, phê duyệt, trả kết quả thay đổi thông tin đăng ký sử dụng HĐĐT cho người nộp thuế
3.	1.2.1	Tiếp nhận, xử lý hồ sơ đăng ký của Tổ chức TVAN	Quy trình hướng dẫn việc tiếp nhận, xử lý hồ sơ đề nghị ký hợp đồng cung cấp dịch vụ hóa đơn điện tử
4.	1.2.2	Tiếp nhận, xử lý hồ sơ thay đổi thông tin của Tổ chức TVAN	Quy trình hướng dẫn việc tiếp nhận, xử lý hồ sơ thay đổi thông tin của Tổ chức TVAN
5.	1.2.3	Tiếp nhận, xử lý văn bản tạm ngừng/ngừng cung cấp dịch vụ của Tổ chức TVAN	Quy trình hướng dẫn việc tiếp nhận, xử lý hồ sơ tạm ngừng/ngừng cung cấp dịch vụ HĐĐT của Tổ chức TVAN
6.	1.2.4	Đăng ký đối với doanh nghiệp/tổ chức kết nối trực tiếp.	Quy trình hướng dẫn việc tiếp nhận, xử lý, phê duyệt, trả kết quả đăng ký của doanh nghiệp/tổ chức kết nối trực tiếp
7.	1.3.1	Đăng ký đối với Đơn vị/ tổ chức sử dụng thông tin HĐĐT	Quy trình hướng dẫn tiếp nhận, xử lý văn bản đề nghị sử dụng thông tin HĐĐT của đơn vị/tổ chức
8.	1.4.1	Khai thác thông tin về đăng ký sử dụng hóa đơn điện tử	Hướng dẫn và quy định mẫu biểu khai thác, bộ phận được khai thác thông tin hỗ trợ kiểm tra đăng ký sử dụng.
9.	2.1.1	Tiếp nhận, xử lý và cấp mã của cơ quan Thuế cho HĐĐT có mã	Quy trình hướng dẫn tiếp nhận, xử lý, cấp mã của cơ quan thuế cho HĐĐT
10.	2.1.2	Tiếp nhận, xử lý và cấp mã của CQT cho HĐĐT theo từng lần phát sinh	Quy trình hướng dẫn: <ul style="list-style-type: none"> <li>- Lập đề nghị sử dụng hóa đơn theo từng lần phát sinh</li> <li>- Xử lý hồ sơ của cơ quan thuế</li> <li>- Lập hóa đơn điện tử</li> <li>- Cấp mã của cơ quan thuế cho hóa đơn điện tử theo từng lần phát sinh</li> <li>- Trả kết quả cấp mã cho người nộp thuế.</li> </ul>

STT	Mã	Quy trình nghiệp vụ Mức 2	Phạm vi nghiệp vụ của quy trình
11.	2.2.1	Tiếp nhận, xử lý hóa đơn điện tử không có mã của cơ quan thuế (hóa đơn đầy đủ)	Quy trình hướng dẫn tiếp nhận, xử lý HĐĐT không có mã của cơ quan thuế (hóa đơn đầy đủ)
12.	2.2.2	Tiếp nhận, xử lý dữ liệu hóa đơn không có mã của cơ quan thuế theo bảng tổng hợp	Quy trình hướng dẫn Tiếp nhận, xử lý dữ liệu hóa đơn không có mã của cơ quan thuế theo bảng tổng hợp dữ liệu
13.	2.3.1	Tiếp nhận, xử lý thông báo hủy/giải trình HĐĐT của NNT	Quy trình hướng dẫn tiếp nhận, xử lý thông báo hủy/giải trình HĐĐT của NNT
14.	2.4.1	Xử lý hóa đơn điện tử trong giai đoạn chuyển tiếp	Quy trình hướng dẫn tiếp nhận, xử lý tờ khai dữ liệu hóa đơn, chứng từ hàng hoá, dịch vụ bán ra theo Mẫu số 03/DL-HĐĐT đối với các trường hợp được cơ quan thuế ra thông báo sử dụng hóa đơn điện tử nhưng NNT đăng ký sử dụng.
15.	2.5.1	Khai thác thông tin về tiếp nhận và xử lý HĐĐT	Hướng dẫn và quy định mẫu biểu khai thác, bộ phận được khai thác thông tin về tiếp nhận và xử lý HĐĐT.
16.	3.1.1	Cập nhật/tổng hợp, đồng bộ/thu thập dữ liệu phục vụ quản lý rủi ro HĐĐT	Quy trình hướng dẫn: - Cập nhật, tổng hợp thông tin, dữ liệu liên quan phục vụ quản lý rủi ro hoá đơn điện tử - Đồng bộ/thu thập dữ liệu phục vụ quản lý rủi ro HĐĐT
17.	3.1.2	Ban hành thông báo NNT không thuộc trường hợp sử dụng HĐĐT không có mã của cơ quan thuế	Quy trình hướng dẫn: - Lập thông báo theo Mẫu số 01/TB-KTT - Phê duyệt và ký số thông báo theo Mẫu số 01/TB-KTT - Gửi thông báo theo Mẫu số 01/TB-KTT cho NNT
18.	3.2.1	Kiểm tra thông tin tại CQT	Quy trình hướng dẫn: - Cơ quan thuế rà soát các hóa đơn cần giải trình - Lập thông báo theo Mẫu số 01/TB-RSĐT yêu cầu NNT giải trình hóa đơn (lần 1, lần 2)

STT	Mã	Quy trình nghiệp vụ Mức 2	Phạm vi nghiệp vụ của quy trình
			<ul style="list-style-type: none"> <li>- Phê duyệt và ký số thông báo Mẫu số 01/TB-RSDT (lần 1, lần 2)</li> <li>- Gửi thông báo theo Mẫu số 01/TB-RSDT cho NNT (lần 1, lần 2)</li> </ul>
19.	3.2.2	Kiểm tra tại trụ sở NNT	<p>Quy trình hướng dẫn:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Các trường hợp chuyển sang kiểm tra hoặc thanh tra tại trụ sở NNT</li> <li>- Cách thức thực hiện kiểm tra hoặc thanh tra tại trụ sở NNT</li> </ul>
20.	3.3.1	Khai thác thông tin về rủi ro và kiểm soát dữ liệu HĐĐT	Hướng dẫn và quy định mẫu biểu khai thác, bộ phận được khai thác thông tin về rủi ro và kiểm soát dữ liệu HĐĐT
21.	4.1.1	Cung cấp thông tin HĐĐT cho Tổ chức TVAN	Hướng dẫn và quy định thông tin dữ liệu cung cấp cho Tổ chức TVAN (Thông tin đăng ký thuế, thông tin đăng ký sử dụng HĐĐT, thông tin ngừng hoặc tiếp tục sử dụng HĐĐT, ...)
22.	4.2.1	Cung cấp thông tin HĐĐT danh cho cá nhân, đơn vị/tổ chức không có tài khoản truy cập Cổng điện tử.	Quy trình hướng dẫn và quy định thông tin HĐĐT cung cho cá nhân, đơn vị/tổ chức không có tài khoản truy cập Cổng điện tử.
23.	4.2.2	Cung cấp thông tin HĐĐT cho cá nhân, đơn vị/tổ chức có tài khoản truy cập Cổng điện tử	Quy trình hướng dẫn và quy định thông tin HĐĐT cung cho cá nhân, đơn vị/tổ chức có tài khoản truy cập Cổng điện tử.
24.	4.3.1	Cung cấp thông tin HĐĐT cho đơn vị/tổ chức theo quy chế/văn bản cung cấp thông tin HĐĐT	Đơn vị/tổ chức sử dụng thông tin HĐĐT theo quy chế/văn bản cung cấp thông tin HĐĐT sử dụng tài khoản được CQT cấp để tra cứu sử dụng thông tin HĐĐT theo các nội dung, phạm vi tại quy chế/văn bản đã ký.
25.	5.1.1	Thông tin hỗ trợ quản lý HĐĐT	<p>Quy trình hướng dẫn:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Cập nhật thông tin ngừng sử dụng HĐĐT</li> <li>- Cập nhật thông tin NNT được tiếp tục sử dụng HĐĐT: sau khi thông báo với CQT về việc tiếp tục kinh doanh, hết</li> </ul>

STT	Mã	Quy trình nghiệp vụ Mức 2	Phạm vi nghiệp vụ của quy trình
			<p>thời gian bị cưỡng chế nợ thuế bằng biện pháp hóa đơn.</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Cập nhật thông tin phục vụ việc xét duyệt NNT đăng ký sử dụng HĐĐT có mã không thu tiền</li> <li>- Rà soát doanh nghiệp, tổ chức kinh tế, hộ, cá nhân kinh doanh sử dụng HĐĐT có mã không thu tiền và gửi thông báo theo Mẫu số <b>01/TB-KTT</b>.</li> </ul>
26.	5.2.1	Phân quyền cho công chức thuế	Quy trình hướng dẫn Quy định chung về việc phân quyền cho người sử dụng là công chức thuế
27.	5.2.2	Phân quyền cho NNT, Tổ chức TVAN, DN tổ chức kết nối trực tiếp	Quy trình hướng dẫn Quy định chung về việc phân quyền cho NNT, Tổ chức TVAN, tổ chức/doanh nghiệp kết nối trực tiếp, tổ chức/đơn vị ký quy chế cung cấp công tin hóa đơn.
28.	5.2.3	Báo cáo phân quyền sử dụng công điện tử, hệ thống HĐĐT	<p>Quy trình hướng dẫn:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Các mẫu báo cáo khai thác</li> <li>- Bộ phận được khai thác</li> </ul>
29.	5.3.1	Vận hành ứng dụng	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Xây dựng quy trình vận hành</li> <li>- Thực hiện vận hành</li> <li>- Kiểm tra, đánh giá, tổng hợp báo cáo</li> </ul>
30.	5.3.2	Quản trị ứng dụng	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Xây dựng quy trình quản trị</li> <li>- Thực hiện quản trị</li> <li>- Kiểm tra, đánh giá, tổng hợp báo cáo</li> </ul>
31.	5.3.3	Xử lý ứng dụng	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Tiếp nhận sự cố</li> <li>- Phân tích, đánh giá sự cố</li> <li>- Thông báo sự cố</li> <li>- Khắc phục sự cố</li> <li>- Thông báo khắc phục sự cố</li> <li>- Báo cáo kết quả xử lý sự cố</li> </ul>

## f) Mô hình kiến trúc tổng thể



Hệ thống Hoá đơn điện tử được thiết kế bao gồm nhiều thành phần/ phân hệ có kết nối mật thiết với nhau nhằm cung cấp khả năng xử lý nghiệp vụ của bài toán đặt ra, cũng như đáp ứng nhu cầu vận hành, khai thác và quản trị chung của Cục Thuế.

Hệ thống được triển khai theo mô hình tập trung, tại 02 TTDL của Cục Thuế:

- TTDL chính: Trang bị đầy đủ các thành phần phần cứng, phần mềm ứng dụng, phần mềm hệ thống cho hệ thống HĐĐT:

- + Các phần mềm ứng dụng, phần mềm hệ thống (bao gồm cả hệ quản trị CSDL) của hệ thống.

- + Máy chủ ứng dụng và CSDL.

- + Các ứng dụng, công cụ phục vụ công tác quản trị, vận hành.

- TTDL dự phòng: dự phòng cho TTDL Chính, hoạt động theo cơ chế Active- Standby.

- + Có đủ các cấu phần ứng dụng như TTDL chính.
- + Lưu trữ đầy đủ dữ liệu tương đương TTDL chính.

Đối tượng sử dụng của hệ thống HĐĐT:

- Người nộp thuế có nhu cầu lập, sử dụng HĐĐT: truy cập và sử dụng dịch vụ qua Cổng thông tin điện tử về HĐĐT của Cục Thuế.

- Cán bộ thuế: truy cập và sử dụng các tính năng nghiệp vụ, khai thác dữ liệu theo phân quyền.

- Các đơn vị cung cấp dịch vụ về HĐĐT (TVAN), các Doanh nghiệp trong diện được kết nối trực tiếp với hệ thống HĐĐT của Cục Thuế.

+ Kết nối trực tiếp tới thành phần trực kết nối của hệ thống HĐĐT.

+ Truy cập và sử dụng các dịch vụ đăng ký, tra cứu trên Cổng thông tin điện tử theo đúng quyền hạn của tài khoản.

- Các cá nhân, đơn vị, tổ chức có nhu cầu sử dụng dịch vụ HĐĐT hoặc khai thác, tìm hiểu, tra cứu và xác minh thông tin HĐĐT:

+ Truy cập và sử dụng dịch vụ trên Cổng thông tin điện tử.

+ Đăng ký cấp tài khoản và sử dụng các tính năng khai thác, xác minh dữ liệu HĐĐT theo quy định.

+ Kết nối trực tiếp và khai thác dữ liệu HĐĐT theo đúng quy định.

- Các hệ thống trong và ngoài ngành cần liên thông tích hợp và trao đổi dữ liệu:

+ Hệ thống trong ngành: các hệ thống hiện tại của Cục Thuế cần trao đổi dữ liệu với hệ thống HĐĐT:

▪ Hệ thống trực tích hợp: tích hợp dịch vụ/message queue để truyền nhận dữ liệu giữa Hệ thống HĐĐT và các hệ thống ứng dụng nghiệp vụ hiện tại.

▪ Hệ thống TMS, ETAX: cung cấp dữ liệu cho hệ thống HĐĐT như dữ liệu danh mục, dữ liệu đăng ký thuế, tờ khai dữ liệu hóa đơn, chứng từ hàng hóa, dịch vụ bán ra.

▪ Hệ thống AD CBT, NNT: cung cấp thông tin người dùng Hệ thống HĐĐT.

▪ Hệ thống ký số của Cục Thuế: cung cấp tính năng ký số nhân danh, ký số đích danh cho các dữ liệu mà Cục Thuế gửi cho người nộp thuế trên hệ thống HĐĐT.

- Hệ thống ngoài ngành:

+ Hệ thống của TVAN/Doanh nghiệp kết nối trực tiếp: kết nối để truyền nhận dữ liệu HĐĐT của NNT; truy vấn thông tin liên quan đến NNT và HĐĐT; thông tin báo cáo, đối soát.

+ Hệ thống của cơ quan/đơn vị liên quan (Bộ/ Ban/ Ngành) được kết nối

trực tiếp theo quy định: cung cấp kênh kết nối khai thác dữ liệu theo phân quyền.

Các chức năng nghiệp vụ đã đề cập được thực hiện thông qua sự phối hợp chặt chẽ của nhiều phân hệ thành phần:

- Nghiệp vụ Quản lý đăng ký (1):
  - + Thành phần Giao diện NNT: NNT truy cập Cổng thông tin điện tử, thực hiện đăng ký tài khoản và đăng ký sử dụng dịch vụ, thay đổi thông tin...
  - + Thành phần Giao diện CBT: Cán bộ thuế truy cập Cổng thông tin cho CBT, thực hiện việc tiếp nhận và các thao tác xử lý, xác minh, thông báo và phê duyệt yêu cầu đăng ký, thay đổi thông tin đăng ký.
  - + Thành phần Ứng dụng lõi HĐĐT: Các microservice theo đúng quy tắc phân luồng nghiệp vụ sẽ tự động được gọi, thực hiện yêu cầu và chuyển tiếp thông tin tương ứng.
- Tiếp nhận, xử lý dữ liệu hóa đơn điện tử (2):
  - + Thành phần Giao diện NNT: NNT truy cập Cổng thông tin điện tử, thực hiện lập hoá đơn, yêu cầu huỷ, giải trình...
  - + Thành phần Kết nối trực tiếp: Các TVAN, Doanh nghiệp kết nối trực tiếp thực hiện gửi dữ liệu HĐĐT được đóng gói theo chuẩn được quy định bởi Cục Thuế; Phân hệ trực kết nối thực hiện tiếp nhận, lưu trữ dữ liệu nhận được theo các phân vùng lên ổ đĩa lâu dài (khoảng 07 ngày) để các service nội bộ (phân hệ Core) lấy về để xử lý.
  - + Thành phần Giao diện CBT: Cán bộ thuế truy cập Cổng CBT, thực hiện thao tác xử lý, xác minh, đối soát, báo cáo và kiểm soát luồng.
  - + Thành phần ứng dụng lõi HĐĐT: Các microservice theo đúng quy tắc phân luồng nghiệp vụ sẽ tự động được gọi, thực hiện yêu cầu xác minh, xác thực, kiểm tra và chuyển tiếp thông tin tương ứng.
- Quản lý rủi ro và kiểm soát thông tin hóa đơn (3):
  - + Tính năng trao đổi dữ liệu với ứng dụng của ngành thuế: đồng bộ về hệ thống HĐĐT các thông tin phục vụ đối chiếu và kiểm soát (danh sách cưỡng chế nợ thuế, thông báo tiếp tục sử dụng hóa đơn...)
  - + Dịch vụ Quản lý rủi ro và kiểm soát thông tin:
    - Kiểm tra dữ liệu nội tại của HĐĐT
    - Báo cáo phân tích cho cán bộ nghiệp vụ
- Cung cấp thông tin hóa đơn (4):
  - + Thành phần giao diện NNT: cung cấp thông tin, kết quả xác minh, truy vấn cho các đối tượng người dùng có đăng nhập và không cần đăng nhập theo quy định.
  - + Thành phần giao diện CBT: Khối tính năng phân tích, thống kê, báo

cáo tổng hợp (BI) tổng hợp dữ liệu, báo cáo động và phân tích chuyên sâu theo nhu cầu của CBT qua các tính năng của phân hệ BI.

+ Thành phần ứng dụng lõi HĐĐT: tổ chức dữ liệu theo các phân vùng phục vụ giao dịch trực tuyến (transaction), đánh index và tổ chức dữ liệu phục vụ phân tích báo cáo (analytics), cũng như dữ liệu hồ sơ gốc để phục vụ truy vết, đối soát, xác minh...

- Hỗ trợ tác nghiệp (5):

+ Thành phần giao diện CBT: Thông tin hỗ trợ quản lý HĐĐT, thông tin báo cáo tổng hợp được cung cấp từ khối chức năng BI tương ứng.

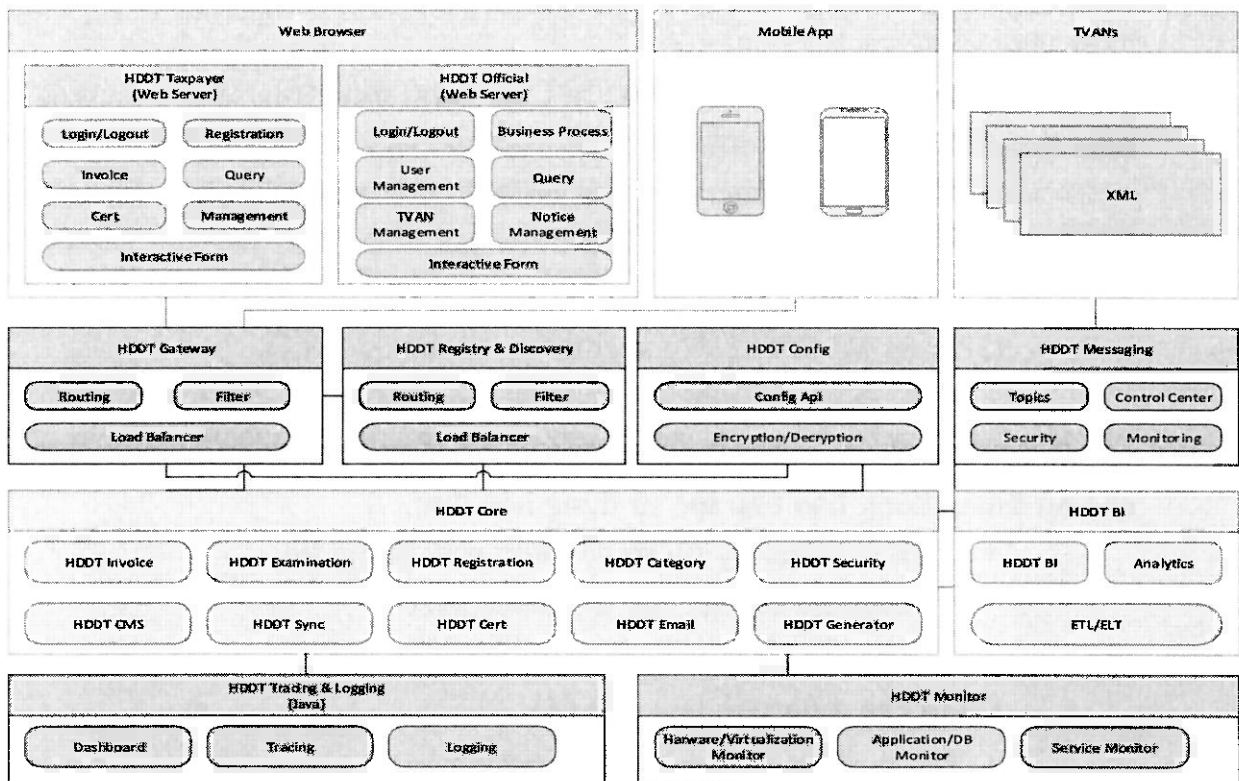
+ Thành phần ứng dụng lõi HĐĐT: Phân quyền người dùng, phân quyền dữ liệu.

+ Các module thành phần quản trị vận hành, quản trị hệ thống:

- Giám sát ứng dụng.
- Quản lý CSDL.
- Quản lý và giám sát các dịch vụ.
- Quản lý hạ tầng, ATBM

### g) Mô hình kiến trúc ứng dụng

Mô hình kiến trúc tổng thể ứng dụng



### Phân hệ Giao diện NNT (HDDT NNT Portal):

Đây là phân hệ cho phép các đối tượng người dùng bên ngoài tương tác với dịch vụ hoá đơn điện tử.

- Các đối tượng sử dụng:
  - + Người nộp thuế.
  - + Doanh nghiệp/hộ, cá nhân kinh doanh có nhu cầu sử dụng dịch vụ HĐĐT.
  - + Các ban ngành, tổ chức có nhu cầu khai thác, sử dụng thông tin HĐĐT như: Công An, Hải Quan, Quản lý thị trường...
- Các cấu phần chính:
  - + Tin tức: cung cấp thông tin, thông báo về HĐĐT, tài liệu hướng dẫn sử dụng, thông tin hỗ trợ.
  - + Đăng ký sử dụng dịch vụ HĐĐT: Cho phép người dùng đăng ký, thay đổi thông tin đăng ký sử dụng HĐĐT.
  - + Đăng ký sử dụng thông tin HĐĐT: Cho phép các đơn vị, tổ chức đăng ký sử dụng thông tin HĐĐT.
  - + Quản lý, tạo lập hoá đơn: cho phép người dùng quản lý, lập hoá đơn, gửi hoá đơn, thông báo huỷ, hoá đơn thay thế trên cổng dịch vụ.
  - + Tra cứu, khai thác thông tin hoá đơn: Cho phép người dùng tra cứu, xác minh hoá đơn đã được gửi lên CQT, hỗ trợ tra cứu không cần đăng nhập, xem hoá đơn gốc.

#### **Phân hệ Giao diện cho CBT (HDDT CBT Portal)**

Đây là phân hệ dành cho cán bộ thuế làm việc với hệ thống HĐĐT.

- Đối tượng sử dụng: Cán bộ thuế các cấp được phân quyền sử dụng.
- Các cấu phần chính:
  - + Quản lý thông tin đăng ký sử dụng HĐĐT: xử lý, phê duyệt thông tin đăng ký, thay đổi thông tin đăng ký sử dụng HĐĐT.
  - + Quản lý TVAN/Doanh nghiệp kết nối trực tiếp:
    - Quản lý thông tin TVAN/doanh nghiệp kết nối trực tiếp.
    - Xử lý, phê duyệt thông tin đăng ký của TVAN/doanh nghiệp kết nối trực tiếp.
  - + Quản lý đơn vị/tổ chức sử dụng thông tin HĐĐT:
    - Quản lý thông tin đơn vị/tổ chức sử dụng thông tin HĐĐT.
    - Xử lý, phê duyệt thông tin đăng ký của đơn vị/tổ chức sử dụng thông tin HĐĐT.
  - + Quản lý quy trình nghiệp vụ và xử lý hoá đơn:
    - Quản lý các quy trình nghiệp vụ.
    - Giám sát việc xử lý và cấp mã (với hoá đơn có mã) của CQT.
    - Giám sát việc xử lý thông báo huỷ, giải trình HĐĐT của NNT.
  - + Quản lý rủi ro:
    - Quản lý thông tin phục vụ cho nghiệp vụ quản lý rủi ro HĐĐT.

- Ban hành thông báo NNT không thuộc trường hợp sử dụng HĐĐT không có mã của CQT.

- + Quản lý danh mục: quản lý thông tin danh mục cho hệ thống, bao gồm các loại danh mục NNT, TVAN, danh mục địa bàn, phòng ban, cán bộ thuế, cơ quan thuế, phân công/ phân quyền cho CBT, danh mục doanh nghiệp rủi ro cao về thuế/ cưỡng chế nợ thuế.

- + Tra cứu, khai thác thông tin HĐ: tra cứu thông tin HĐ, báo cáo, thống kê.

- + Quản lý tin tức: quản lý tin tức cung cấp cho NNT trên cổng NNT.

- + Quản lý, phân quyền NSD: quản lý, phân quyền cho người sử dụng, bao gồm NNT và CBT.

- + Quản trị hệ thống: theo dõi, giám sát sự hoạt động của các cấu phần trong hệ thống.

### **Phân hệ HDDT Messaging**

Đây là phân hệ để tiếp nhận khối lượng HĐĐT lớn từ doanh nghiệp kết nối trực tiếp và các nhà cung cấp dịch vụ HĐĐT (TVAN). Phân hệ được xây dựng trên nền tảng Distributed Streaming Platform với các ưu điểm:

- Giải quyết tình trạng nghẽn, thắt cổ chai (bottleneck) vì có thể tiếp nhận dữ liệu với khối lượng cực lớn, rồi đưa vào hàng đợi (queue) để hệ thống core xử lý lần lượt.

- Phân chia hàng đợi (queue) cho từng đối tượng sử dụng:

- + Queue cho dữ liệu vào và dữ liệu ra cho từng đơn vị kết nối.

- + Queue cho từng nghiệp vụ: queue cho việc xử lý tờ khai đăng ký, queue cho việc xử lý hoá đơn, queue cho việc xử lý thông điệp...

- + Các queue được phân quyền đọc ghi cụ thể cho từng đối tượng kết nối đến hệ thống. Hỗ trợ các phương thức bảo mật như SSL/SASL.

### **Phân hệ HDDT Gateway**

Phân hệ HĐĐT Gateway đóng vai trò là cổng kết nối giữa các phân hệ lõi với các phân hệ giao tiếp với người dùng (HDDT NNT Portal và HDDT CBT Portal).

- Các tính năng chính:

- + Định tuyến: kiểm tra mọi request tới, tra cứu các dịch vụ đang có và định tuyến request đến dịch vụ thích hợp.

- + Bộ lọc: Xây dựng bộ lọc các request đến hệ thống, xác định loại hình request và loại hình dịch vụ phù hợp.

- + Cân bằng tải: với từng dịch vụ đích, gateway sẽ chủ động xác định trạng thái cũng như tính sẵn sàng của từng instance của dịch vụ, từ đó điều hướng

request đến instance thích hợp.

### **Phân hệ Dịch vụ cho phần nghiệp vụ**

Đây là phân hệ cung cấp các dịch vụ cho các tính năng nghiệp vụ của hệ thống hoá đơn điện tử.

- Các cấu phần chính:

+ Dịch vụ xử lý thông tin đăng ký sử dụng HĐĐT: Cung cấp các API cho việc tiếp nhận, xử lý, phê duyệt, trả kết quả đăng ký sử dụng hoặc thay đổi thông tin đăng ký sử dụng hóa đơn điện tử cho người nộp thuế là tổ chức, doanh nghiệp, cá nhân, hộ kinh doanh. Cụ thể:

- Đăng ký sử dụng/ thay đổi thông tin hóa đơn điện tử có mã của cơ quan thuế.

- Đăng ký sử dụng/ thay đổi hóa đơn điện tử có không có mã của cơ quan thuế.

+ Dịch vụ quản lý TVAN/Tổ chức kết nối trực tiếp: Cung cấp các API cho việc quản lý, phân quyền cho TVAN/Tổ chức kết nối trực tiếp đến hệ thống.

+ Dịch vụ quản lý đơn vị/tổ chức sử dụng thông tin HĐĐT: Cung cấp các API cho việc quản lý, phân quyền cho các đơn vị/tổ chức sử dụng thông tin HĐĐT.

+ Dịch vụ quản lý danh mục: cung cấp API cho quản lý thông tin danh mục của hệ thống, bao gồm các loại danh mục NNT, TVAN, danh mục địa bàn, phòng ban, cán bộ thuế, cơ quan thuế, phân công/ phân quyền cho CBT, danh mục doanh nghiệp rủi ro cao về thuế/ cưỡng chế nợ thuế.

+ Dịch vụ tiếp nhận và xử lý HĐĐT: cung cấp các API cho việc tiếp nhận và xử lý hoá đơn điện tử.

+ Dịch vụ tra cứu, khai thác thông tin hoá đơn: Cung cấp các API cho việc tra cứu, báo cáo, thống kê liên quan đến hoá đơn.

+ Dịch vụ quản lý rủi ro: cung cấp API cho việc quản lý rủi ro:

- API quản lý rủi ro HĐĐT

- API quản lý thông tin HĐĐT.

- API khai thác thông tin rủi ro và kiểm soát dữ liệu HĐĐT.

+ Dịch vụ quản lý tin tức: quản trị nội dung cung cấp trên cổng thông tin dành cho NNT.

### **Phân hệ dịch vụ nền tảng, tích hợp và quản trị hệ thống**

Các cấu phần chính:

- Dịch vụ đồng bộ và tích hợp dữ liệu: dùng cho việc trao đổi dữ liệu của hệ thống HĐĐT với các hệ thống nghiệp vụ của Cục Thuế:

+ Đồng bộ thông tin danh mục từ hệ thống của Cục Thuế bao gồm: địa bàn, phòng ban, cán bộ, cơ quan thuế, danh sách doanh nghiệp rủi ro cao về thuế,

doanh nghiệp bị cưỡng chế nợ thuế, thông báo doanh nghiệp tiếp tục sử dụng hóa đơn...

- + Đồng bộ thông tin người dùng cán bộ thuế.
- Dịch vụ quản lý, phân quyền NSD:
  - + Cung cấp API cho việc xác thực người dùng trên cổng dành cho NNT và CBT.
  - + Cung cấp API cho việc quản lý thông tin người dùng, vai trò người dùng, phân quyền chức năng và phân quyền thao tác với dữ liệu cho người dùng.
  - Dịch vụ quản lý quy trình: cung cấp API cho việc quản lý các quy trình tác nghiệp trong hệ thống:
    - + Quy trình phê duyệt đăng ký/thay đổi thông tin sử dụng HDDT, cho các đối tượng tổ chức, doanh nghiệp, hộ/ cá nhân kinh doanh hoặc các đơn vị/ tổ chức sử dụng thông tin HDDT.
    - + Quản lý thông tin TVAN: Hệ thống cung cấp các chức năng cho phép tìm kiếm, tạo mới, cập nhật, tạm dừng, tiếp tục và hủy thông tin tài khoản các TVAN, mật khẩu, chứng thư số...
    - + Quản lý thông tin NNT, chứng thư số, TVAN đăng ký.
    - + Quy trình quản lý thông tin doanh nghiệp rủi ro cao về thuế.
    - + Quy trình quản lý thông tin NNT bị cưỡng chế nợ thuế.
    - + Quy trình tạo lập và quản lý thông báo của Cục Thuế cho NNT và TVAN/Doanh nghiệp kết nối trực tiếp.
  - Dịch vụ quản trị hệ thống: Cung cấp các API cho việc cấu hình và quản trị hệ thống.

### **Phân hệ HDDT Config**

Đây là phân hệ quản lý cấu hình tập trung của các dịch vụ trong hệ thống.

Kiến trúc xây dựng ứng dụng với Microservice luôn hướng tới các hệ thống dạng phân tán để tăng cường hiệu năng, tính sẵn sàng. Do đó, việc quản lý thống nhất về cấu hình của mỗi service là đặc biệt quan trọng, trong mọi môi trường / chu kỳ phát triển của ứng dụng. Với kiến trúc microservice, hệ thống được chia nhỏ thành nhiều dịch vụ (service), và mỗi service này lại vận hành theo một tiến trình riêng. Mỗi tiến trình có thể được triển khai và mở rộng một cách độc lập, trong đó nhiều thực thể (instance) của cùng một microservice có thể chạy đồng thời. Đặt tình huống khi ứng dụng cần thay đổi cấu hình của một microservice đã được nhân bản 100 lần (100 tiến trình chạy đồng thời). Nếu cấu hình chi tiết của microservice này được đặt ngay trong chính nó, ứng dụng/ cán bộ phát triển cần phải triển khai lại cấu hình cho từng instance một. Tình huống này dẫn đến việc, trong một thời điểm cụ thể, có thể một số instance đang vận hành với cấu hình mới, trong khi toàn bộ các instance còn lại vẫn sử dụng cấu hình cũ. Không phải

toàn bộ, nhưng phần lớn các microservice đều sử dụng các kết nối bên ngoài, vốn cần thêm các trường thông tin như URL, username và password. Các microservice này bắt buộc phải được chia sẻ và đồng bộ cấu hình một cách nhanh chóng và chính xác nhất có thể.

Cũng vì lí do trên, các cấu hình service này cần được quản lý và duy trì trên một data store độc lập, ổn định và thống nhất của phân hệ HDDT Config.

Các tính năng của phân hệ:

- Config API:

+ Cho phép quản lý cấu hình cho từng service riêng lẻ, cho từng phiên bản của service, cho từng môi trường như: dev, prod, staging...

+ Hỗ trợ khả năng lưu thông tin cấu hình server trên một server storage backend, dạng database riêng, ổn định.

- Mã hoá thông tin: mã hoá các thông tin cấu hình nhạy cảm của hệ thống như tài khoản của database, tài khoản của queue, tài khoản kết nối đến các hệ thống khác... trong storage backend. Khi các microservices có nhu cầu sử dụng những thông tin này, nó sẽ tự động truy cập đến phía server để lấy thông tin đã được mã hoá, thông qua khoá được lưu trữ trong microservice, nó sẽ giải mã để có được thông tin gốc.

### **Phân hệ HDDT Registry & Discovery**

Đây là phân hệ phụ trách dịch vụ quản lý tập trung thông tin các service trong hệ thống.

Với kiến trúc ứng dụng microservice, các client sẽ phải xác định vị trí mạng của các dịch vụ khả dụng và yêu cầu cân bằng tải. Để làm được điều này client cần truy vấn một danh sách thông tin đăng ký dịch vụ (Service Registry), nơi chứa thông tin và vị trí mạng của các thực thể dịch vụ. Sau khi truy vấn được vị trí của dịch vụ, client sử dụng một thuật toán cân bằng tải giúp chọn ra một dịch vụ khả dụng để gửi yêu cầu.

Các tính năng của phân hệ:

- Đăng ký dịch vụ: Cho phép các microservices đăng ký chính bản thân nó (registry) khi bắt đầu hoạt động, trong quá trình hoạt động, microservices định kỳ gửi thông tin về server (heartbeat) để thông báo tình trạng hoạt động của service. Khi có nhu cầu trao đổi thông tin với các microservices khác trong hệ thống, service chỉ cần truy cập đến server để lấy thông tin của các microservices mà nó định gọi.

- Cân bằng tải: tính năng này sẽ giúp cho các client dễ dàng lựa chọn được máy chủ dịch vụ dựa trên các tiêu chí tối ưu về tính khả dụng, hiệu suất, vị trí.

### **Phân hệ HDDT AD**

Đây là phân hệ phụ trách thông tin cán bộ thuế (đồng bộ về từ CBT AD của Cục Thuế) và người nộp thuế cho hệ thống Hóa đơn điện tử.

### **Phân hệ HDDT BI**

Phân hệ HDDT BI phụ trách các dịch vụ phân tích và khai thác dữ liệu, tổng hợp thông tin.

Với hệ thống hóa đơn điện tử, đề xuất xây dựng lớp dữ liệu gồm 02 vùng tách biệt nhằm đảm bảo cả về hiệu năng cũng như tăng cường tính độc lập ngay từ ứng dụng đến dữ liệu:

- Vùng dữ liệu phục vụ giao dịch trực tuyến truyền nhận và xử lý hóa đơn (OLTP).

- Vùng dữ liệu phục vụ các phân tích, báo cáo tổng hợp (OLAP).

- Phân hệ BI được triển khai trên lớp dữ liệu phục vụ báo cáo tổng hợp (OLAP) nói trên, cung cấp cho người dùng các công cụ dashboard, báo cáo và phân tích linh hoạt tùy theo nhu cầu sử dụng. Vùng dữ liệu phân tích báo sẽ được sử dụng để thực hiện các tính toán, liên kết join và tổng hợp thông tin phía máy chủ (server side), nhằm đảm bảo hiệu năng và hiệu suất công việc. Trong khi đó, công cụ BI sẽ được tối ưu để trình diễn trực quan nhất các dữ liệu và thông tin kết quả sau tính toán, thực hiện phân tích trên các kết quả này.

- Các tính năng của phân hệ:

- + Analytic: Cung cấp các tính năng như quản lý bộ nhớ, fault recovery, tương tác với các hệ thống lưu trữ dữ liệu và API để định nghĩa RDD (Resilient Distributed DataSet) cho phép truy xuất, phân tích, xử lý dữ liệu lớn nhanh chóng, hiệu quả.

- + ETL/ELT: Trích xuất dữ liệu từ hệ thống OLTP để đưa vào hệ thống phân tích dữ liệu.

- + BI: Công cụ xây dựng các báo cáo theo yêu cầu.

### **Phân hệ HDDT Tracing & Logging**

Phân hệ HDDT Tracing & Logging cung cấp khả năng theo dõi, truy vết cho các request/service trong hệ thống một cách hiệu quả, đồng thời cho phép phân tích lịch sử, phân tích sự cố thuận tiện và nhanh chóng. Phân hệ này nằm trong vùng quản trị riêng (Management Tier), chung cho toàn bộ hệ thống Hóa đơn điện tử, và được kết nối tới các phân hệ khác để thu thập thông tin log cần thiết.

Các tính năng chính:

- Tracing: được sử dụng để thực hiện tracing dạng phân tán và xác định các sự cố về độ trễ cho mỗi request được chuyển tiếp giữa các service độc lập.

- Logging: cho phép lưu các dữ liệu trace và cho phép tìm kiếm, theo dõi, phân tích, đồ thị hóa trên các dữ liệu log theo thời gian thực, từ nhiều nguồn khác nhau.

+ Các loại log nghiệp vụ, log kỹ thuật của hệ thống sẽ được tổ chức lưu trữ ngắn hạn trên mỗi node (service instance) tương ứng trong thời gian ngắn hạn. Định kỳ, các log này sẽ được chuyển tiếp về quản lý và lưu trữ tập trung tại phân hệ HDDT Tracing & Logging.

+ Hướng tiếp cận này cho phép cân bằng giữa nhu cầu lưu giữ và quản lý, khai thác log với mức độ chiếm dụng tài nguyên I/O chung của hệ thống.

### **Phân hệ HDDT Monitoring**

Phân hệ HDDT Monitoring phụ trách theo dõi và quản lý hoạt động của các máy chủ, ứng dụng và service trong hệ thống. Phân hệ được đặt trong vùng quản trị riêng (Management Tier), chung cho toàn bộ hệ thống Hóa đơn điện tử, và được kết nối tới các phân hệ khác để thu thập thông tin giám sát cũng như thực hiện công tác quản trị cần thiết.

Phân hệ bao gồm nhiều công cụ phục vụ công tác giám sát, quản trị hệ thống với các chức năng chính bao gồm:

- Hardware/Virtualization Monitor: Theo dõi trạng thái hoạt động hạ tầng phần cứng, máy chủ vật lý, ảo hóa, OS.

- Application/DB Monitor: Theo dõi trạng thái hoạt động các ứng dụng, cơ sở dữ liệu quan hệ trong hệ thống, theo dõi trạng thái hoạt động các service trong hệ thống, theo dõi thông số về JVM, memory, datasources...

- DB management: Quản lý hoạt động, thực thi các thao tác vận hành chuyên sâu cho CSDL.

### **D.2. Ứng dụng Quản lý hóa đơn, ấn chỉ thuế (QLAC)**

a) **Tên ứng dụng:** Ứng dụng Quản lý hóa đơn, ấn chỉ thuế

b) **Tên tắt ứng dụng:** QLAC

c) **Nội dung ứng dụng:**

Ứng dụng QLAC quản lý các nội dung liên quan về ấn chỉ gồm:

- Quản lý hợp đồng in ấn chỉ, nhập xuất, điều chỉnh ấn chỉ.
- Quản lý kho ấn chỉ
- Quản lý tình hình mất và xử lý mất ấn chỉ
- Quản lý vi phạm và xử lý vi phạm liên quan đến sử dụng ấn chỉ
- Quản lý Thông báo phát hành hóa đơn, biên lai
- Quản lý Báo cáo tình hình sử dụng hóa đơn, biên lai, tem rườ
- Quản lý việc nhận in hóa đơn, biên lai của doanh nghiệp

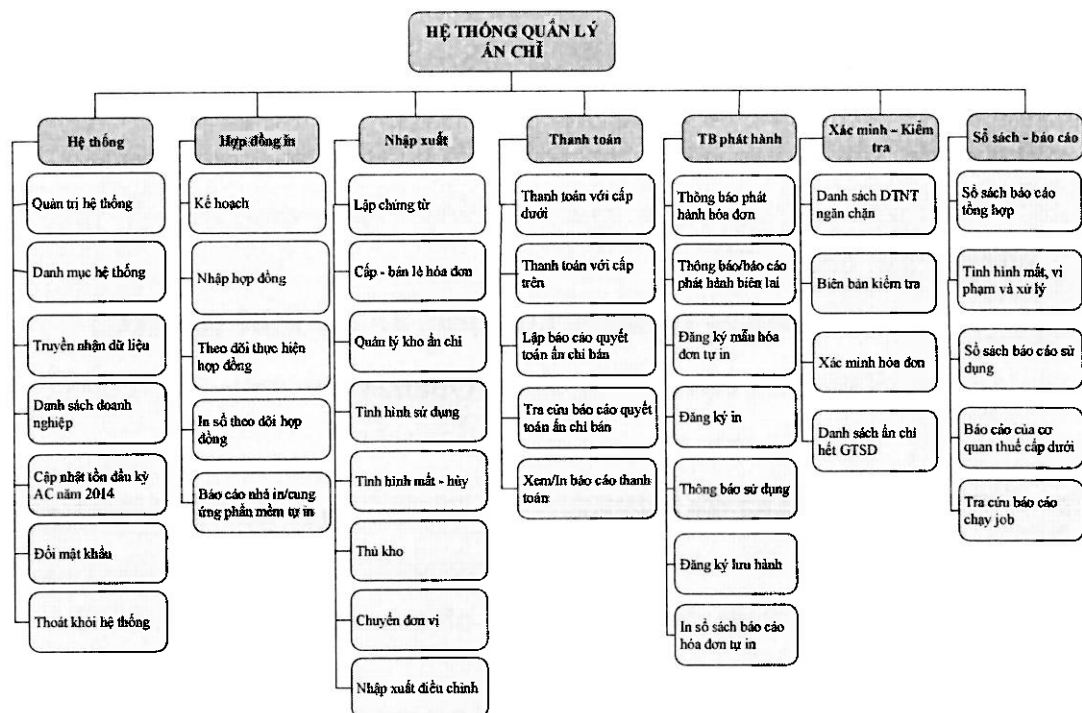
- Quản lý Hóa đơn, Biên lai hết giá trị sử dụng
- Hỗ trợ tổng hợp Sổ sách – Báo cáo theo mẫu trong quy trình quản lý ấn chỉ
- Quản lý Danh sách NNT rủi ro vi phạm sử dụng hóa đơn
- Quản lý hóa đơn thuộc diện ngăn chặn: hóa đơn NNT bỏ trốn mang theo, hóa đơn tạm đình chỉ sử dụng, hóa đơn không còn giá trị sử dụng, hóa đơn bất hợp pháp.
- Quản lý danh sách doanh nghiệp thuộc diện thương nhân thực hiện hoạt động mua bán, trao đổi hàng hóa tại chợ biên giới, chợ cửa khẩu, chợ trong khu kinh tế cửa khẩu

#### d) Phạm vi triển khai

- Triển khai tập trung tại Cục Thuế cho cơ quan thuế các cấp.
- Triển khai tập trung tại Cục Thuế.

#### e) Các chức năng ứng dụng

- Mô hình chức năng hiện có của ứng dụng:



#### Mô hình chức năng ứng dụng QLAC

Hệ thống quản lý ấn chỉ gồm 7 chức năng chính

- Hệ thống bao gồm:
  - + Quản trị hệ thống mục đích dùng để tạo mới, phân quyền quản lý người sử dụng, nhóm người sử dụng, tra cứu người sử dụng theo chức năng và tra

cứu chức năng theo người sử dụng.

+ Danh mục hệ thống cho phép tạo mới và tra cứu danh sách ấn chỉ, danh sách kho ấn chỉ, danh sách đơn vị sử dụng, danh sách nhà in ấn chỉ, cập nhật cơ quan thuế, danh sách đơn vị tính và in danh mục hệ thống, in danh sách danh mục ấn chỉ.

+ Truyền nhận dữ liệu cho phép người sử dụng tra cứu dữ liệu nhận, dữ liệu gửi, dữ liệu đã nhận, dữ liệu đã gửi, tra cứu file nhận mã vạch

+ Danh sách doanh nghiệp cho phép nhập, tra cứu và in danh sách doanh nghiệp rủi ro vi phạm, vi phạm hành chính.

+ Cập nhật tồn đầu kỳ AC năm 2014: cho phép nhập và tra cứu tồn đầu kỳ của cơ quan thuế, tổ chức, cá nhân.

+ Đổi mật khẩu người sử dụng.

+ Thoát khỏi hệ thống.

- Hợp đồng in bao gồm:

+ Kế hoạch cho phép người sử dụng lập, tra cứu và in kế hoạch nhận và kế hoạch in.

+ Nhập hợp đồng cho phép người sử dụng tạo mới hợp đồng in.

+ Theo dõi thực hiện hợp đồng cho phép người dùng tra cứu hợp đồng in ấn chỉ.

+ In sổ theo dõi hợp đồng cho phép người sử dụng in hợp đồng in ấn chỉ.

+ Báo cáo nhà in/cung ứng phần mềm tự in cho phép người sử dụng nhập, tra cứu và in báo cáo nhà in/ cung ứng phần mềm tự in.

+ Nhập xuất bao gồm:

+ Lập chứng từ cho phép người sử dụng nhập, tra cứu, in cấp phát bán ấn chỉ.

+ Cấp – bán lẻ hóa đơn cho phép người sử dụng nhập, tra cứu và in hóa đơn cấp lẻ, bán lẻ.

+ Quản lý kho ấn chỉ cho phép người sử dụng tra cứu tồn kho ấn chỉ, in bảng kê ấn chỉ tồn, mở sổ kết chuyển tồn đầu kỳ, khóa sổ tháng, lập và tra cứu bảng kiểm kê kho ấn chỉ.

+ Tình hình sử dụng cho phép người sử dụng nhập và tra cứu bảng kê thanh toán biên lai, bc8 cho đơn vị sử dụng phí lệ phí, báo cáo tình hình sử dụng hóa đơn, báo cáo tình hình sử dụng hóa đơn theo số lượng, báo cáo sử dụng biên lai phí, lệ phí, báo cáo tình hình sử dụng tem rượu, in sổ st10, in tồn đơn vị sử dụng, in sổ theo dõi hóa đơn, in báo cáo tình hình sử dụng hóa đơn, biên lai.

+ Tính hình mất – hủy cho phép người sử dụng nhập và tra cứu, in báo cáo mất ấn chỉ tại đơn vị sử dụng, biên bản vi phạm hành chính, thông báo kết quả hủy hóa đơn, biên lai, tem rượu.

+ Thủ kho cho phép người sử dụng xác nhận nhập kho, xuất kho ấn chỉ, mất tại kho ấn chỉ, tra cứu và in tồn kho ấn chỉ.

+ Chuyển đơn vị cho phép người sử dụng nhập, tra cứu và cấp phép ấn chỉ chuyển đơn vị sử dụng

+ Nhập xuất điều chỉnh cho phép người sử dụng nhập và tra cứu phiếu nhập và phiếu xuất điều chỉnh.

- Thanh toán bao gồm:

+ Thanh toán với cấp dưới cho phép người sử dụng nhập, tra cứu và in báo cáo quyết toán ấn chỉ bán thu tiền, chứng từ thanh toán của cấp dưới, thông tin biên bản quyết toán nộp.

+ Thanh toán với cấp trên cho phép người sử dụng nhập và tra cứu chứng từ thanh toán với cấp trên.

+ Lập báo cáo quyết toán ấn chỉ bán cho phép người sử dụng lập báo cáo tổng hợp quyết toán ấn chỉ bán.

+ Tra cứu báo cáo quyết toán ấn chỉ bán cho phép người sử dụng tra cứu báo cáo tổng hợp quyết toán ấn chỉ bán.

+ Xem/in báo cáo thanh toán cho phép người sử dụng in báo cáo tổng hợp quyết toán ấn chỉ bán.

- Thông báo phát hành bao gồm:

+ Thông báo phát hành hóa đơn cho phép người sử dụng nhập, tra cứu, in thông báo phát hành hóa đơn, thông báo điều chỉnh thông tin thông báo phát hành, bảng kê hóa đơn chuyển địa điểm.

+ Thông báo/ báo cáo phát hành biên lai cho phép người sử dụng nhập, tra cứu thông báo phát hành biên lai phí, lệ phí.

+ Đăng ký mẫu hóa đơn tự in cho phép người sử dụng nhập và tra cứu đăng ký mẫu hóa đơn tự in.

+ Đăng ký in cho phép người sử dụng tra cứu đăng ký tự in hóa đơn.

+ Thông báo sử dụng cho phép người sử dụng tra cứu thông báo sử dụng hóa đơn tự in.

+ Đăng ký lưu hành cho phép người sử dụng tra cứu đăng ký lưu hành hóa đơn tự in.

+ In sổ sách, báo cáo hóa đơn tự in.

- Xác minh – kiểm tra bao gồm:

+ Danh sách DTNT ngăn chặn cho phép người sử dụng nhập, tra cứu và in danh sách đối tượng nộp thuế ngăn chặn.

+ Biên bản kiểm tra cho phép nhập và tra cứu biên bản kiểm tra nội bộ và kiểm tra các đơn vị sử dụng.

+ Xác minh hóa đơn cho phép người sử dụng lập và tra cứu phiếu yêu

cầu xác minh gửi đi và phiếu yêu cầu xác minh nhận về, in báo cáo tình hình xác minh hóa đơn.

+ Danh sách ấn chỉ hết giá trị sử dụng cho phép người sử dụng nhập, tra cứu và in thông báo hóa đơn, biên lai hết giá trị sử dụng, thông báo khôi phục hóa đơn hết giá trị sử dụng theo thông báo của cơ quan chức năng.

- Sổ sách – báo cáo bao gồm:

+ Sổ sách báo cáo tổng hợp cho phép người sử dụng lập, tra cứu và in báo cáo tổng hợp sử dụng ấn chỉ BC8.

+ Tình hình mất, vi phạm và xử lý cho phép người sử dụng lập, tra cứu và in báo cáo tình hình mất và kết quả xử lý, báo cáo số vụ vi phạm quản lý ấn chỉ và kết quả xử lý.

+ Sổ sách báo cáo sử dụng cho phép người sử dụng lập, tra cứu và in báo cáo tình hình sử dụng hóa đơn theo số lượng, bảng kê tình trạng nộp báo cáo ấn chỉ, báo cáo tình hình sử dụng ấn chỉ của đơn vị sử dụng, bảng kê thanh toán biên lai.

+ Báo cáo của cơ quan thuế cấp dưới cho phép người sử dụng nhập, tra cứu báo cáo tổn thất ấn chỉ, báo cáo sử dụng, báo cáo tổng hợp sử dụng hóa đơn, báo cáo tình hình xử lý mất ấn chỉ.

+ Tra cứu báo cáo chạy Job cho phép người sử dụng tra cứu kết quả báo cáo đang thực hiện.

### **E. Quy định về kiểm tra, nghiệm thu sản phẩm:**

Căn cứ quy mô và tính chất của gói thầu, hai bên sẽ tiến hành lập kế hoạch triển khai thực hiện hợp đồng, nghiệm thu tiếp nhận nhân sự (nếu có) và nghiệm thu các sản phẩm/hạng mục của hợp đồng, cụ thể như sau:

#### **1. Lập kế hoạch triển khai thực hiện hợp đồng**

Trong vòng 07 ngày kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực, hai bên thống nhất Kế hoạch triển khai thực hiện hợp đồng làm cơ sở triển khai nội dung công việc của hợp đồng.

#### **2. Nghiệm thu tiếp nhận/thay thế nhân sự (nếu có)**

Trong vòng 7 ngày kể từ ngày ký hợp đồng, Bên B gửi công văn cử nhân sự tham gia triển khai hợp đồng để hai bên tiến hành nghiệm thu, tiếp nhận nhân sự.

Trường hợp thay thế nhân sự, Bên B gửi công văn cử nhân sự thay thế trước 03 ngày kể từ ngày nhân sự thay thế bắt đầu tham gia triển khai thực hiện hợp đồng. Nguyên tắc tiếp nhận/thay thế nhân sự: Bên A chỉ tiếp nhận nhân sự có năng lực, kinh nghiệm bằng hoặc cao hơn năng lực, kinh nghiệm của nhân sự của hợp đồng.

Sau khi hoàn thành nghiệm thu, tiếp nhận nhân sự triển khai thực hiện hợp đồng, hai bên lập ***Biên bản nghiệm thu tiếp nhận nhân sự***.

Sau khi hoàn thành nghiệm thu, tiếp nhận nhân sự thay thế (nếu có), hai bên lập ***Biên bản nghiệm thu tiếp nhận nhân sự thay thế (theo lần)***.

#### **3. Kiểm tra, nghiệm thu và bàn giao các sản phẩm/hạng mục của hợp đồng**

Căn cứ vào Biểu tiến độ cung cấp và kế hoạch triển khai thực hiện hợp đồng, hai bên nghiệm thu/phê duyệt các sản phẩm/hạng mục của hợp đồng. Chi tiết trình tự kiểm tra, nghiệm thu và bàn giao các sản phẩm/hạng mục của hợp đồng sẽ được hai bên thống nhất khi hoàn thiện hợp đồng.

## BẢNG ĐỀ XUẤT KỸ THUẬT CỦA NHÀ THẦU

Mục	Nội dung yêu cầu của E-HSMT	Nội dung đề xuất kỹ thuật của nhà thầu	Tham chiếu đến tài liệu chứng minh (nếu có)	Ghi chú

**Ghi chú:**

*Trường hợp nhà thầu cần giải thích hoặc miêu tả rõ Nội dung kỹ thuật chào thầu thì nhà thầu ghi vào cột Ghi chú.*